

BẢN TIN PHÁP LUẬT

THÁNG 3 - 2019



TRONG SỐ NÀY

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- **Hỏi đáp.**
- **Các công văn liên quan đến chính sách thuế.**

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- **Xác định thời điểm bắt đầu hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp cơ sở xã hội hóa làm thủ tục đăng ký thuế sau khi hoạt động?**
- **Chính sách thuế đối với người lao động làm việc tại các công trình, dự án tại nước ngoài.**
- **Doanh nghiệp cần biết về chính sách thuế khi chi lương tháng thứ 13 cho người lao động.**
- **Có cần thông báo với cơ quan thuế khi mở thêm địa điểm kinh doanh không?**

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- **Nghị định số:05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.**
- **Thông tư số:05/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài Chính.**
- **Nghị định số:10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 1 năm 2019 của Chính phủ.**

NỘI DUNG CHI TIẾT

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

1. HỎI ĐÁP

Hỏi

Kính gửi Bộ Tài chính! Tôi đang hạch toán kế toán HCSN theo thông tư 107/2017/TT-BTC trên phần mềm kế toán IMAS, phần hạch toán khấu hao TSCĐ được hướng dẫn Nợ TK 611, có TK 214 đồng thời ghi nợ TK 366, có TK 511, vậy hỏi hạch toán vào mục, tiểu mục nào và hạch toán như vậy có đúng không?

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định, đối với các TSCĐ phải tính hao mòn, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động (61113 hoặc 61123)

Có TK 214- Khấu hao và hao mòn lũy kế TSCĐ.

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 366- Các khoản nhận trước chưa ghi thu

Có TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp.

Theo đó TK 611- Chi phí hoạt động và TK 511- Thu hoạt động do NSNN cấp không phải hạch toán theo Mục lục NSNN (Đơn vị chỉ hạch toán các TK ngoài bảng TK 008, 009, 012, 013, 014, 018 theo mục lục NSNN khi mua TSCĐ đó)



Hỏi:

Trong thông tư 107/2017/TT-BTC về chế độ kế toán hành chính sự nghiệp có 2 quỹ: Quỹ dự phòng ổn định thu nhập và quỹ bổ sung thu nhập. Phải hiểu về 2 quỹ như thế nào mới đúng? đây là điểm mới nhưng lại không được hướng dẫn cụ thể trong hạch toán kế toán cũng như việc trích lập và sử dụng, dễ làm cho người thực hiện nhầm lẫn nó mang ý nghĩa là 1 quỹ "quỹ ổn định thu nhập" như cũ tại quyết định 19/2006. Rất mong Bộ tài chính hướng dẫn cụ thể.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp quy định:

- TK 4313- Quỹ bổ sung thu nhập: Phản ánh việc hình thành và sử dụng Quỹ bổ sung thu nhập tại các đơn vị sự nghiệp công lập.
- TK 4315- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập: Phản ánh việc hình thành và sử dụng Quỹ dự phòng ổn định thu nhập tại các cơ quan nhà nước.

Như vậy, đối tượng sử dụng TK 4313 là các đơn vị sự nghiệp công lập (thực hiện cơ chế tự chủ theo ND 43; ND 16); đối tượng sử dụng TK 4315 là các cơ quan nhà nước (Thực hiện cơ chế tự chủ theo ND 130).

Hỏi:

Công ty tôi muốn hỏi Quý Bộ như sau:

Thứ nhất: Về tháng lương thứ 13: Công ty ký hợp đồng với người lao động ghi rõ: Người lao động được trả Tháng lương thứ 13, có thể cao hơn, bằng hoặc thấp hơn tháng lương BQ năm tùy thuộc vào kết quả kinh doanh và lợi nhuận đạt được của DN. Trong qui chế của Công ty cũng ghi như vậy. Năm 2018 Công ty KD có lãi Công ty muốn chi tháng lương thứ 13 cao gấp 2 lần tháng lương BQ năm cho người lao động có được không (có đúng luật không) hay nhất thiết tháng lương thứ 13 phải bằng tháng lương BQ năm. Bởi có ý kiến cho rằng công ty chỉ được chi tháng lương thứ 13 bằng tháng lương BQ năm, nên Công ty rất cần giải đáp giúp thắc mắc này

Thứ hai: Lợi nhuận sau thuế của Công ty không chia cho cá nhân góp vốn mà kết chuyển vào quỹ đầu tư và dùng quỹ đầu tư mua tài sản thì có phải nộp thuế TNCN không?

Trả lời:

Căn cứ điều 103 Bộ luật lao động số 10/2012/QH13 ngày 18/6/2012 của Quốc hội quy định về Tiền thưởng như sau:

“1. Tiền thưởng là khoản tiền mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm và mức độ hoàn thành công việc của người lao động

2 Quy chế thưởng do người sử dụng lao động quyết định và công bố công khai tại nơi làm việc sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện tập thể lao động tại cơ sở.”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

2.6 Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

...b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.”

Căn cứ Khoản 3 Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định các khoản thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn:

“3. Thu nhập từ đầu tư vốn

Thu nhập từ đầu tư vốn là khoản thu nhập cá nhân nhận được dưới các hình thức:

a) Tiền lãi nhận được từ việc cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh vay hoặc thỏa thuận vay, trừ lãi tiền gửi nhận được từ các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo hướng dẫn chi tiết g1, điểm g, khoản 1, Điều 3 thông tư này.

b) Cổ tức nhận được từ việc góp vốn mua cổ phần.

c) Lợi tức nhận được do tham gia góp vốn vào Công ty TNHH (bao gồm cả Công ty TNHH một thành viên), Công ty hợp danh, hợp tác xã, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và các hình thức kinh doanh khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Hợp tác xã; lợi tức nhận được do tham gia góp vốn thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng; góp vốn vào Quỹ đầu tư chứng khoán và Quỹ đầu tư khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

d) Phần tăng thêm của giá trị vốn góp nhận được khi giải thể doanh nghiệp, chuyển đổi mô hình hoạt động, chia tách, sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp hoặc khi rút vốn.

đ) Thu nhập từ lãi trái phiếu, tín phiếu, các giấy tờ có giá trị khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập theo hướng dẫn tại tiết g.1 và g.3 khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

e) Các khoản thu nhập nhận được từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác kể cả trường hợp góp vốn đầu tư bằng hiện vật, bằng danh tiếng, bằng quyền sử dụng đất, bằng phát minh sáng chế.

g) Thu nhập từ cổ tức trả bằng cổ phiếu, thu nhập từ lợi tức ghi tăng vốn”

Căn cứ Khoản 6 Điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung điểm c khoản 3 điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính:

“c) Lợi tức nhận được do tham gia góp vốn vào Công ty TNHH, Công ty hợp danh, hợp tác xã, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh và các hình thức kinh doanh khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Hợp tác xã; lợi tức nhận được do tham gia góp



vốn thành lập tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng; góp vốn vào Quỹ đầu tư chứng khoán và Quỹ đầu tư khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Không tính vào thu nhập chịu thuế từ đầu tư vốn đối với lợi tức của doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH một thành viên do cá nhân làm chủ.”

Căn cứ các quy định trên, tường hợp Công ty thực hiện chi trả lương tháng 13 cho người lao động (theo mức Công ty tự quyết định phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động), nếu được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính Công ty; Tổng công ty; Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty thì được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Đối với khoản lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty, nếu không chia cho các cá nhân góp vốn mà để lại doanh nghiệp thì không phát sinh nghĩa vụ thuế TNCN.

Hỏi:

Kính chào Quý Bộ! Chúng tôi là công ty FDI 100% vốn Hàn Quốc, có câu hỏi kính mong Quý Bộ giải đáp hướng dẫn về việc chuyển lợi nhuận về công ty mẹ, lợi nhuận có thể chuyển là lợi nhuận kế toán hay lợi nhuận thuế? Cụ thể có 2 trường hợp như sau: Trường hợp 1: Năm đầu tiên kinh doanh, 2018 trên BCTC kiểm toán lỗ 5 tỷ, nhưng khi quyết toán thuế, doanh nghiệp tự loại 7 tỷ chi phí ko hợp lý, vậy quyết toán thuế sẽ lãi 2 tỷ, nộp thuế 400 triệu, còn 1.6 tỷ, doanh nghiệp có thể chuyển về công ty mẹ không? Trường hợp 2: Các năm trước trên BCTC kiểm toán đang lỗ lũy kế 20 tỷ, tuy nhiên đã thanh kiểm tra đến hết 2017 và thuế loại 25 tỷ chi phí, do đó doanh nghiệp lãi 5 tỷ, doanh nghiệp đã nộp thuế theo kết quả thanh kiểm tra xong rồi. Năm 2018 doanh nghiệp có BCTC lãi 3 tỷ => lỗ lũy kế hết 2018 là 17 tỷ. Tuy nhiên theo quyết toán thuế 2018 thì vẫn là lãi 3 tỷ, nộp thuế 600tr, còn 2.4 tỷ. Doanh nghiệp có thể chuyển lợi nhuận 2018 về công ty mẹ ko? Trân trọng cảm ơn Quý Bộ.

Trả lời:

Căn cứ Thông tư số 186/2010/TT-BTC ngày 18/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có lợi nhuận từ việc đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư:

+ Tại Điều 2 quy định lợi nhuận chuyển ra nước ngoài:

“1. Lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư này là lợi nhuận hợp pháp được chia hoặc thu từ các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo Luật Đầu tư, sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước Việt Nam theo quy định.

2. Lợi nhuận chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài có thể bằng tiền hoặc hiện vật

- Lợi nhuận chuyển ra nước ngoài bằng tiền theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;

- Lợi nhuận chuyển ra nước ngoài bằng hiện vật và thực hiện quy đổi giá trị hiện vật theo quy định của pháp luật về xuất nhập khẩu hàng hóa và quy định của pháp luật liên quan.”

+ Tại Điều 3 hướng dẫn xác định số lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài:

“1. Lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài hàng năm là lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài được chia hoặc thu được của năm tài chính từ hoạt động đầu tư trực tiếp căn cứ trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư cộng với các khoản lợi nhuận khác như khoản lợi nhuận chưa chuyển hết từ các năm trước chuyển sang; trừ đi các khoản nhà đầu tư nước ngoài đã sử dụng để trang trải các khoản chi của nhà đầu tư nước ngoài cho hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc nhu cầu cá nhân của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2. Lợi nhuận được chuyển ra nước ngoài khi kết thúc hoạt động đầu tư tại Việt Nam là tổng số lợi nhuận nhà đầu tư nước ngoài thu được trong quá trình đầu tư trực tiếp tại Việt Nam, trừ đi các khoản lợi nhuận đã được sử dụng để tái đầu tư, các khoản lợi nhuận đã chuyển ra nước ngoài trong quá trình hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài ở Việt Nam và các khoản đã sử dụng cho các chi tiêu khác của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

3. Nhà đầu tư nước ngoài không được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận được chia hoặc thu được từ hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam của năm phát sinh lợi nhuận trong trường hợp trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài đầu tư của năm phát sinh lợi nhuận vẫn còn số lỗ lũy kế sau khi đã chuyển lỗ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ví dụ: Nhà đầu tư nước ngoài A góp vốn thành lập Công ty tại Việt Nam. Năm 2009 Công ty có phát sinh lỗ 4 tỷ đồng.

Giả sử năm 2010 Công ty có thu nhập trước thuế là 3 tỷ đồng. Như vậy, sau khi bù trừ chuyển lỗ từ năm 2009 chuyển sang theo quy định, trong năm 2010 Công ty có số lỗ là 1 tỷ đồng. Công ty không được chia lợi nhuận cho các bên tham gia góp vốn và nhà đầu tư nước ngoài A không được chuyển lợi nhuận được chia của năm 2010 về nước.

Giả sử năm 2010, Công ty có thu nhập trước thuế là 5 tỷ đồng. Như vậy sau khi bù trừ chuyển lỗ từ năm 2009 chuyển sang theo quy định, trong năm 2010 Công ty còn lại số thu



nhập chịu thuế thu nhập là 1 tỷ đồng. Nếu thuế suất TNDN Công ty áp dụng là 25% thì Công ty thực hiện nộp thuế TNDN là 250 triệu đồng. Công ty được chia số lợi nhuận sau thuế cho các bên tham gia góp vốn và nhà đầu tư nước ngoài A được chuyển lợi nhuận được chia năm 2010 về nước.”

+ Tại Điều 4 thời điểm chuyển lợi nhuận ra nước ngoài:

“1. Chuyển lợi nhuận ra nước ngoài hàng năm.

Nhà đầu tư nước ngoài được chuyển hàng năm số lợi nhuận được chia hoặc thu được từ các hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam ra nước ngoài khi kết thúc năm tài chính sau khi doanh nghiệp mà nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật đã nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán và tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm tài chính cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Do không có hồ sơ cụ thể, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn nguyên tắc như sau:

Lợi nhuận của Công ty độc giả chuyển từ Việt Nam ra nước ngoài được thực hiện sau khi Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định. Khoản lợi nhuận chuyển ra nước ngoài hàng năm được xác định theo nguyên tắc quy định tại Điều 3 Thông tư số 186/2010/TT-BTC ngày 18/11/2010 của Bộ Tài chính.

Công ty không được chuyển ra nước ngoài số lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư trực tiếp tại Việt Nam của năm phát sinh lợi nhuận trong trường hợp trên báo cáo tài chính của Công ty năm phát sinh lợi nhuận vẫn còn lỗ lũy kế sau khi chuyển lỗ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính. Hiện tại tôi đang làm công việc liên quan đến chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp. Tôi có 1 vướng mắc rất mong nhận được hồi đáp từ Quý Bộ. Theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán HCSN, khi mua sắm TSCĐ hạch toán: Nợ TK 211/Có TK 461, đồng thời Ghi Nợ TK 661/Có TK 466. Tức là khi mua tài sản sẽ hạch toán tăng luôn chi phí bằng đúng nguyên giá của tài sản và hàng năm khi tính hao mòn tài sản chỉ ghi giảm Giá trị còn lại của tài sản, hạch toán Nợ TK 466/Có TK 214. Năm 2018, bắt đầu áp dụng chế độ kế toán HCSN theo TT107/TT-BTC thay thế QĐ 19. Theo thông tư 107, hàng năm khi tính hao mòn tài sản hạch toán Nợ TK 611/Có TK 214. Như vậy, đối với những tài sản mua từ năm 2017 về trước, khi mua đã hạch toán tăng toàn bộ chi phí và đã được quyết toán rồi, bây giờ theo chế độ mới, hàng năm lại tính vào chi phí số hao mòn tương ứng thì chi phí đó có bị coi là tính 2 lần hay không? Cách hạch toán đúng trong trường hợp này là như thế nào? Rất mong nhận được hồi âm sớm từ Quý Bộ. Tôi xin chân thành cảm ơn!

Trả lời:

- Theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hướng dẫn hạch toán TSCĐ khi mua bằng nguồn NSNN, ghi:

Nợ TK 211- TSCĐ hữu hình

Có TK 461- Nguồn kinh phí hoạt động

Đồng thời, ghi:

Nợ TK 661- Chi hoạt động

Có TK 466- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ.

Số liệu phản ánh trên TK 461 và 661 được quyết toán ngay trong năm có phát sinh mua TSCĐ đó.

- Theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 thay thế QĐ 19 hướng dẫn hạch toán hao mòn TSCĐ, ghi:

Nợ TK 611- Chi phí hoạt động

Có TK 214- Hao mòn TSCĐ

Theo đó, số hao mòn hạch toán trên TK 611 sẽ được phản ánh trên Báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả hoạt động) trong 1 năm của đơn vị, không phản ánh trên Báo cáo quyết toán. Vì vậy, đối với các TSCĐ đã mua trước năm 2017 đã được quyết toán với NSNN thì khi chuyển sang thực hiện theo Thông tư 107 không phải quyết toán với NSNN, nên không phản ánh vào chi NSNN 2 lần như độc giả đang hiểu.

2. CÁC CÔNG VĂN TRẢ LỜI VỀ THUẾ.

Công văn số 6009/CT-TTHT ngày 01 tháng 2 năm 2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về hướng dẫn chính sách thuế TNCN.

Trả lời công văn số 09/XLHC-TCKT ngày 24/01/2019 của Công ty TNHH Một thành viên Xây lắp Hóa chất (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế TNCN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

- Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập, tổ chức trả thu nhập không khấu trừ thuế. Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức khấu trừ thuế (vào mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) và nộp cho cơ quan thuế. Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế.

- Căn cứ các hướng dẫn nêu trên, trường hợp Công ty ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng với người lao động thì tại thời điểm trả thu nhập từ 2.000.000 đồng/lần trở lên Công ty thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% trước khi chi trả thu nhập cho người lao động theo hướng dẫn tại điểm i khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC nêu trên. Trường hợp trong năm người lao động chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng khấu trừ thuế TNCN theo mức 10% tại nhiều tổ chức trả thu nhập nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân đó lập bản cam kết tại từng đơn vị chi trả thu nhập theo mẫu 02/CK-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC. Căn cứ vào cam kết của người lao động, Tổ chức trả thu nhập tạm thời chưa khấu trừ thuế TNCN của cá nhân đối với từng lần chi trả.

Trường hợp người lao động phát sinh thu nhập thuộc đối tượng tạm khấu trừ theo mức 10% tại Công ty nhưng có thu nhập thuộc đối tượng khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần tại Công ty khác thì không được làm cam kết theo mẫu 02/CK-TNCN theo quy định.

Công văn số 6075/CT-TTHT ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về Chi phí khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Trả lời công văn số 225/TVKTXD-TC đề ngày 25/12/2018 của Công ty cổ phần tư vấn, thiết kế và xây dựng 319 (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về chính sách thuế TNDN, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, quy định về văn bản giao dịch với cơ quan Thuế.
- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.
- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.
- Căn cứ Điều 2 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 1 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính quy định về người nộp thuế.



- Căn cứ Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ quy định trên:

1. Về thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

- Trường hợp Công ty có ký hợp đồng với Công ty TNHH công nghiệp gốm Vientiane để thi công công trình nhà máy gạch Vientiane tại Lào thì hoạt động này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 0% nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

- Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) và Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua tại Lào để phục vụ thi công công trình tại Lào không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Về chi phí hợp lý được trừ:

Trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thanh toán không dùng tiền mặt với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từng lần từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) ghi trên hóa đơn thì khoản chi này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên.

Đối với các chi phí phát sinh tại nước ngoài thì các hóa đơn, chứng từ của các khoản chi phí này phải phù hợp với quy định của nước sở tại và được dịch ra tiếng Việt theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

3. Về Thuế TNCN:

- Đối với người lao động đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật là cá nhân cư trú tại Việt Nam được cử sang tham gia thi công công trình tại Lào thì thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân này là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập. Tổ chức chi trả thu nhập thực hiện khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần đối với thu nhập chi trả cho người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

- Trường hợp các lao động làm việc tại Công ty có phát sinh tạm khấu trừ nộp thuế TNCN tại Lào (nước đã có ký kết hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt Nam) thì khi quyết toán thuế người lao động sẽ được trừ số thuế TNCN đã tạm khấu trừ tại nước Lào, số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài (nước Lào).
- Trường hợp Công ty ký hợp đồng thuê khoán với người lao động là cá nhân đáp ứng điều kiện là cá nhân không cư trú tại Việt Nam theo quy định về thuế TNCN tại Việt Nam để thực hiện công trình bên Lào, thì hồ sơ để xác định khoản chi hợp lý, hợp lệ đối với khoản chi nêu trên là hồ sơ, chứng từ chứng minh việc thuê khoán lao động phục vụ cho thi công công trình tại Lào và thực tế chi trả lương, bao gồm: hợp đồng thuê khoán, chứng từ thanh toán lương, ... Thu nhập nhận được (từ việc thi công công trình tại Lào) của các cá nhân không cư trú tại Việt Nam không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Công văn số 6114/CT-TTHT ngày 12 tháng 2 năm 2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về chính sách thuế giá trị gia tăng.

Trả lời công văn số 08/BCD đề ngày 14/12/2018 của Công ty TNHH Bắc Chương Dương (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến.

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời về mặt nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty được UBND TP Hà Nội ban hành quyết định số 5806/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 về việc phê duyệt giá đất làm căn cứ thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại, văn phòng cho thuê và nhà ở do Công ty TNHH Bắc Chương Dương làm chủ đầu tư, thì khi tính giá tính thuế GTGT, Công ty căn cứ vào hình thức sử dụng đất để xác định giá đất được trừ và tiền sử dụng đất theo hướng dẫn tại Khoản 10 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 nêu trên.

Công văn số 6222/CT-TTHT ngày 13 tháng 2 năm 2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về xử lý hóa đơn đã lập.

Trả lời công văn số 181205/CV-WDVN đề ngày 05/12/2018 và công văn bổ sung hồ sơ số 181225/CV-WDVN đề ngày 25/12/2018 của Công ty TNHH Wirecard (Việt Nam)

(sau đây gọi là Công ty) hỏi về xử lý hóa đơn đã lập, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Điều 17 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định xử lý thu hồi hóa đơn đã lập.
- Căn cứ Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.
- Căn cứ các quy định trên, trường hợp Công ty đã xuất hóa đơn về việc cung cấp dịch vụ chỉnh sửa và phát triển phần mềm, Công ty và khách hàng đã kê khai thuế hóa đơn trên. Sau đó do dịch vụ không đáp ứng nhu cầu của khách hàng, khách hàng thanh lý hợp đồng, trả lại hóa đơn và không thanh toán cho Công ty thì:

Hai bên lập biên bản thu hồi hóa đơn của dịch vụ ghi trong biên bản thanh lý hợp đồng và lưu giữ hóa đơn tại nơi người bán theo hướng dẫn tại Điều 17 Nghị định số 51/2010/NĐ-CP của Bộ Tài chính nêu trên. Biên bản thu hồi hóa đơn phải thể hiện được nội dung lý do thanh lý hợp đồng và các thỏa thuận bồi thường giữa hai bên (nếu có). Đồng thời, Công ty thực hiện điều chỉnh, khai bổ sung hồ sơ khai thuế theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC.

Công văn số 6657/CT-TTHT ngày 19 tháng 2 năm 2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về chính sách thuế nhà thầu.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 138/VNPT Net-KTTC đề ngày 09/01/2019 v/v hướng dẫn thực hiện thuế nhà thầu nước ngoài của Tổng Công ty hạ tầng mạng (sau đây gọi là Công ty), Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Về thuế nhà thầu:

Trường hợp Tổ chức Uptime Institute của Mỹ (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) phát sinh thu nhập tại Việt Nam theo thỏa thuận ký với Tổng Công ty hạ tầng mạng để thực hiện dịch vụ đánh giá và cấp chứng chỉ Uptime Tier III cho dự án Tòa nhà viễn thông/IDC-VNPT của Công ty thì thuộc đối tượng chịu thuế nhà thầu theo hướng dẫn tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.

Trường hợp Tổ chức Uptime Institute không đáp ứng các điều kiện để trực tiếp khai thuế tại Việt Nam thì bên Việt Nam (Tổng Công ty hạ tầng mạng) có, trách nhiệm khấu trừ số thuế GTGT, thuế TNDN theo hướng dẫn tại Điều 4, Điều 12, Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC trước khi thanh toán cho Tổ chức, theo đó:

+ Thuế GTGT: Tỷ lệ (%) thuế GTGT tính trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ là 5% theo hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

+ Thuế TNDN: Tỷ lệ (%) thuế TNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với dịch vụ (trừ Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino; Dịch vụ tài chính phái sinh) là 5% theo hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 103/2014/TT-BTC nêu trên.

2. Về thuế thu nhập cá nhân của các chuyên gia người nước ngoài được cử sang Việt Nam làm việc (trường hợp là cá nhân không cư trú theo Luật Thuế TNCN):

- Đối với các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công (bao gồm cả các khoản lợi ích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC) mà các chuyên gia nhận được do Công ty chi trả thì Công ty thực hiện khấu trừ thuế TNCN theo đối tượng cá nhân không cư trú theo mức 20% trên thu nhập chịu thuế và kê khai nộp thuế vào NSNN Việt Nam.

- Đối với thu nhập từ tiền lương tiền công do Tổ chức Uptime Institute chi trả cho các chuyên gia thì khoản thu nhập hoặc lợi ích mà cá nhân nhận được có tính chất tiền lương, tiền công phát sinh tại Việt Nam là thu nhập chịu thuế tại Việt Nam. Việc xác định thu nhập, thực hiện khai, nộp thuế TNCN tại Việt Nam theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 18, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính. Các chuyên gia phải khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế Việt Nam.

Công văn số 7330/CT-TTHT ngày 25 tháng 02 năm 2019 của Cục Thuế thành phố Hà Nội về khấu trừ thuế Giá trị gia tăng.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 15/2019/CV-BSL ngày 22/01/2019 của Công ty cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi TRUST (sau đây gọi tắt là Công ty) hỏi về việc khấu trừ thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ các quy định trên.

Trường hợp Công ty là tổ chức tín dụng, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ dùng cho hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT. Công ty phải hạch toán

riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được.

Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT, Công ty lập hóa đơn kê khai và nộp thuế theo quy định. Công ty được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phục vụ hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT nếu đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

Xác định thời điểm bắt đầu hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với trường hợp cơ sở xã hội hóa làm thủ tục đăng ký thuế sau khi hoạt động?

Trường mầm non BB trên địa bàn quận B được thành lập theo Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 10/7/2012 của UBND quận B. Tuy nhiên, đến ngày 8/6/2017 Trường mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế. Vậy Trường có thuộc trường hợp được hưởng ưu đãi thuế TNDN do hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa không và nếu có thì thời điểm bắt đầu hưởng ưu đãi từ khi nào?

- Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì điều kiện để cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Nghị định này là cơ sở phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

- Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP quy định cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đăng ký với cơ quan thuế khi hoạt động làm căn cứ xác định ưu đãi và nghĩa vụ về thuế.

Theo các quy định về điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN và mức ưu đãi thuế TNDN đối với cơ sở hoạt động xã hội hóa quy định tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN (đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính) thì:

- Các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai.
- Phần thu nhập của doanh nghiệp từ hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường, giám định tư pháp (sau đây gọi chung là lĩnh vực xã hội hóa) được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.
- Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa được thực hiện theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ quy định.
- Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ được miễn thuế bốn (04) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong năm năm (05) tiếp theo.

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06/5/2013; Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nội dung của của danh mục chi tiết ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg.



Theo các quy định nêu trên thì Trường mầm non BB phải có trách nhiệm đăng ký với cơ quan thuế khi thành lập, đi vào hoạt động để làm căn cứ xác định ưu đãi và nghĩa vụ về thuế. Trường hợp Trường mầm non BB thực hiện đầy đủ chế độ kế toán hóa đơn chứng từ, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai và đáp ứng đủ các điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP; Quyết định 11/2015/QĐ-UBND; đáp ứng các điều kiện về loại hình, tiêu chí, quy mô theo danh mục ban hành kèm theo Quyết định 1466, 1470 thì được hưởng ưu đãi thuế TNDN, cụ thể:

- + Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động.
- + Miễn thuế bốn (04) năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong năm năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động xã hội hóa kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm (03) đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư (04) phát sinh doanh thu.

Trường phải xác định và kê khai riêng thu nhập từ hoạt động xã hội hóa để được hưởng ưu đãi.

Tuy nhiên trên thực tế, Trường mầm non BB được thành lập ngày 10/7/2012, đến ngày 8/6/2017 được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế. Do đó, về thời điểm bắt đầu hưởng ưu đãi:

Trường không được hưởng ưu đãi thuế TNDN trước thời điểm đăng ký thuế. Từ 8/6/2017, Trường mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế thì Trường được kê khai hưởng ưu đãi nếu đáp ứng các điều kiện nêu trên cho thời gian còn lại (nếu còn). Cụ thể, khoảng thời gian còn lại được xác định bằng số năm Trường được hưởng ưu đãi (thuế suất ưu đãi, thời gian miễn thuế, giảm thuế) trừ đi số năm Trường không được hưởng ưu đãi do chưa làm thủ tục đăng ký thuế.

Đối với hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, Trường mầm non BB bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Chính sách thuế đối với người lao động làm việc tại các công trình, dự án tại nước ngoài.

Trong những năm gần đây, các hoạt động đầu tư nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam ngày càng phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, lắp đặt, thi công các công trình tại nước ngoài. Việc tiến quân ra thị trường nước ngoài đã mang lại nhiều cơ hội, thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam, phát triển, tăng trưởng, đem lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp, góp phần không nhỏ trong công tác tăng thu ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp vẫn còn bỡ ngỡ trong việc áp dụng

chính sách thuế đối với việc cử người lao động trong nước ra làm việc tại nước ngoài và thuê lao động nước ngoài làm việc trực tiếp tại dự án tại nước ngoài.

Để hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc áp dụng chính sách thuế đối với người lao động trong và ngoài nước trong trường hợp này, bài viết dưới đây sẽ tổng hợp các quy định và hướng dẫn cụ thể để các doanh nghiệp có thể áp dụng và hướng dẫn người lao động thuộc đơn vị mình thực hiện cho phù hợp với quy định của Nhà nước.

1- Về xác định nghĩa vụ của lao động là cá nhân cư trú tại Việt Nam sang làm việc tại nước ngoài:

Đối với người lao động đáp ứng điều kiện theo quy định pháp luật là cá nhân cư trú tại Việt Nam được cử sang tham gia thi công công trình tại nước ngoài thì thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân này là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập. Tổ chức chi trả thu nhập thực hiện khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần đối với thu nhập chi trả cho người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 111/2013/TT-BTC.

Trường hợp các lao động làm việc tại Công ty có thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài. Số thuế được trừ không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài. Tỷ lệ phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa số thu nhập phát sinh tại nước ngoài và tổng thu nhập chịu thuế.

Khi thực hiện Quyết toán thuế TNCN, người lao động sẽ tự khai quyết toán thuế theo mẫu số 02/QT-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính (chỉ tiêu số thuế đã tạm nộp ở nước ngoài là chỉ tiêu số 39 – “số thuế đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có)”) cho Cơ quan Thuế.

2- Về xác định nghĩa vụ của lao động nước ngoài được doanh nghiệp Việt Nam thuê để làm việc tại các dự án ở nước ngoài:

Trường hợp Công ty ký hợp đồng thuê khoán với người lao động là cá nhân đáp ứng điều kiện là cá nhân không cư trú tại Việt Nam theo quy định về thuế TNCN tại Việt Nam để thực hiện công trình tại nước ngoài, thì hồ sơ để xác định khoản chi hợp lý, hợp lệ đối với khoản chi nêu trên là hồ sơ, chứng từ chứng minh việc thuê khoán lao động phục vụ cho thi công công trình tại nước ngoài và thực tế chi trả lương, bao gồm: hợp đồng thuê khoán, chứng từ thanh toán lương, ... Thu nhập nhận được (từ việc thi công công trình tại nước ngoài) của các cá nhân không cư trú tại Việt Nam không thuộc đối tượng chịu thuế TNCN theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3- Đối với các chi phí phát sinh tại nước ngoài:

Trường hợp Công ty có phát sinh khoản chi thực tế liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty, có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thanh toán không dùng tiền mặt với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ có giá trị thanh toán từng lần từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) ghi trên hóa đơn thì khoản chi này được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên.

Đối với các chi phí phát sinh tại nước ngoài thì các hóa đơn, chứng từ của các khoản chi phí này phải phù hợp với quy định của nước sở tại và được dịch ra tiếng Việt theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính.

Doanh nghiệp cần biết về chính sách thuế khi chi lương tháng thứ 13 cho người lao động.

Lương tháng (thứ)13, là cách gọi tên một khoản tiền thưởng vào cuối năm (dương lịch, thường vào tháng 12), và được thỏa thuận giữa công ty và người lao động. Tuy nhiên, có Doanh nghiệp chỉ luôn trong tháng 12 của năm tài chính phát sinh, hoặc trích trước chi phí phải trả lương tháng thứ 13 nhưng cũng có Doanh nghiệp không trích trước tiền lương tháng thứ 13 vào năm tài chính phát sinh mà chỉ vào tháng 1 của năm sau liền kề. Vậy trường hợp này khoản chi tháng lương thứ 13 của Công ty có được coi là chi phí hợp lý, hợp lệ khi xác định chi phí được trừ để tính thuế TNDN của năm tài chính phát sinh hay tính vào chi phí của năm thực chi cho người lao động?

Trong bài viết này, tác giả sẽ hướng dẫn các Doanh nghiệp xác định nghĩa vụ thuế cho trường hợp trên như sau:

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- (1) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. (2) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật... (3) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt...

Ngoài ra quy định còn chỉ ra các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm: Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:

Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không có chứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty...

Chi tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp phải trả cho người lao động nhưng hết thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm thực tế chưa chi trừ trường hợp doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau liền kề. Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng không quá 17% quỹ tiền lương thực hiện...

Các khoản chi phí trích trước theo kỳ hạn, theo chu kỳ mà đến hết kỳ hạn, hết chu kỳ chưa chi hoặc chi không hết...

Trường hợp Công ty chi tiền lương tháng 13 (tiền thưởng Tết Nguyên đán) cho người lao động đáp ứng các điều kiện chi phí được trừ và không thuộc các trường hợp chi phí không được trừ theo quy định văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Trường hợp Công ty không thực hiện trích trước chi phí và chưa hạch toán chi phí lương tháng 13 (tiền thưởng Tết Nguyên đán) cho người lao động vào năm tài chính phát sinh nhưng Công ty có thực hiện chi khoản này vào tháng 01/năm tài chính năm sau liền kề (trước thời điểm quyết toán thuế TNDN của năm tài chính phát sinh) và khoản chi này được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty... thì khoản chi này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của năm tài chính phát sinh.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính: Sau khi hết hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế... Hồ sơ khai thuế bổ sung được nộp cho cơ quan thuế vào bất cứ ngày làm việc nào, không phụ thuộc vào thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của lần tiếp theo, nhưng phải trước khi cơ

quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế; nếu cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau kiểm tra, thanh tra thì người nộp thuế được khai bổ sung, điều chỉnh.

Như vậy, Công ty được quyền kê khai bổ sung hồ sơ quyết toán thuế năm tài chính phát sinh khoản lương tháng thứ 13 (mặc dù thực tế tính đến cuối năm tài chính chưa thực chi) trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế theo quy định.

Có cần thông báo với cơ quan thuế khi mở thêm địa điểm kinh doanh không?

Doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có thay đổi thông tin của doanh nghiệp như mở thêm địa điểm kinh doanh trực thuộc thì doanh nghiệp có cần thông báo với cơ quan thuế không?

- Tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp:

“Địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh. Nội dung thông báo gồm:”

- Tại khoản 3 Điều 45 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội.

- Tại Điều 12 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về trách nhiệm, thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế.

Trường hợp doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo Luật doanh nghiệp có thay đổi thông tin của doanh nghiệp (mở thêm địa điểm kinh doanh trực thuộc doanh nghiệp), doanh nghiệp phải gửi thông báo đến Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Lưu ý: Trường hợp doanh nghiệp phát hiện thông tin đã thay đổi tại cơ quan đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cập nhật vào hệ thống thông tin quản lý thuế thì đề nghị doanh nghiệp thông báo với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để điều chỉnh kịp thời.

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

Nghị định số:05/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 Chính phủ ban hành nghị định số 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ.

Theo đó, người làm công tác kiểm toán nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp với yêu cầu kiểm toán, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao kiểm toán nội bộ;
- Có thời gian làm việc theo chuyên ngành đào tạo từ 05 năm trở lên hoặc có từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc có từ 03 năm trở lên làm kiểm toán, kế toán hoặc thanh tra;
- Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ
- Chưa bị kỷ luật ở mức cảnh cáo trở lên do sai phạm trong quản lý kinh tế, tài chính, kế toán hoặc không đang trong thời gian bị thi hành án kỷ luật...

Ngoài ra, Nghị định còn quy định cụ thể về phương pháp thực hiện kiểm toán nội bộ, kế hoạch kiểm toán nội bộ...

Nghị định có hiệu lực từ ngày 01/04/2019.



Thông tư số:05/2019/TT-BTC ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài Chính.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 05/2019/TT-BTC về hướng dẫn kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô.

Theo thông tư, việc mở, ghi sổ kế toán được quy định như sau:

- Sổ kế toán mở vào đầu kỳ kế toán năm. Đối với tổ chức tài chính vi mô (TCVM) mới thành lập, sổ kế toán phải mở từ ngày thành lập. Người đại diện theo pháp luật và kế toán trưởng của TCVM phải ký duyệt các sổ kế toán. Sổ kế toán có thể đóng thành quyển hoặc để tờ rời. Các tờ sổ khi dùng xong phải đóng thành quyển để lưu trữ.
- Ghi sổ: Việc ghi sổ kế toán phải căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra bảo đảm các quy định về chứng từ kế toán. Mọi số liệu ghi trên sổ kế toán bắt buộc phải có chứng từ kế toán hợp pháp, hợp lý chứng minh.
- Khoá sổ: Cuối kỳ kế toán phải khoá sổ kế toán trước khi lập Báo cáo tài chính. Ngoài ra phải khoá sổ kế toán trong các trường hợp kiểm kê hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người ghi sổ thuộc các đơn vị dịch vụ kế toán thì phải ký và ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

Ngoài ra, Thông tư còn quy định cụ thể về các loại tài khoản kế toán, Báo cáo tài chính...

Thông tư có hiệu lực từ ngày ngày 01/4/2019, áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020.

Nghị định số:10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 1 năm 2019 của Chính phủ.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019 Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2019/NĐ-CP về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

Cụ thể, sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện các quyền, trách nhiệm về thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

- Quyết định thành lập doanh nghiệp, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Đề nghị cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định hồ sơ đề nghị đầu tư vốn và thực hiện cấp vốn cho doanh nghiệp;
- Ban hành điều lệ, bổ nhiệm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, Nghị định còn quy định về quyền, trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập;
Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/03/2019.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121
Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969
Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268
Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368
Fax: 024 6666 6368

